Sign In

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
Số: 01/1998/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 5 tháng 1 năm 1998

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long giai đoạn từ nay tới năm 2010

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước về các dự án đầu tư tại công văn số 6921/HĐTĐ ngày 31 tháng 10 năm 1997;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng sông Cửu Long gồm 12 tỉnh (Long An, Tiền Giang, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ, Sóc Trăng, Bến Tre, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu, Cà Mau) với những nội dung chính như sau:

I. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CHỦ YẾU:

1. Về kinh tế:

Phấn đấu tăng GDP bình quân đầu người từ nay đến năm 2000 bằng 1,5 lần và đến năm 2010 bằng 3,54 lần so với năm 1994.

Phát triển kinh tế đối ngoại phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng bình quân từ nay tới năm 2010 đạt 18%/năm; Kim ngạch xuất khẩu đạt 1.490 triệu USD vào năm 2000, và 8.600 triệu USD năm 2010.

Thực hiện tỷ lệ tích lũy đầu tư từ nội bộ nền kinh tế đạt 11,6% GDP thời kỳ từ nay tới năm 2000; và đạt 15,5% GDP thời kỳ 2001 - 2010.

Phấn đấu đổi mới công nghệ và thiết bị, tốc độ đổi mới 15%/năm đối với các thiết bị và công nghệ hiện có; trang bị công nghệ tiên tiến cho các cơ sở mới; tạo ra sản phẩm công nông

nghiệp và dịch vụ có sức cạnh tranh trên thị trường.

2. Về xã hội:

Tạo việc làm, thu hẹp diện lao động thiếu việc làm, phấn đấu tăng tỷ lệ lao động công nghiệp, xây dựng và dịch vụ đạt 50% lao động của vùng; đến năm 2005 cơ bản xóa được tình trạng hộ đói; đến năm 2000 điện khí hoá nông thôn 100%, số hộ nông dân được dùng điện là 90% và 100% số dân nông thôn được cấp nước sạch, hơn 90% số dân có nhà ở kiên cố và bán kiên cố.

Phấn đấu phổ cập giáo dục tiểu học cho trẻ em vào năm 2000, phổ cập phổ thông trung học cơ sở ở các thành phố, thị xã vào năm 2010; đa dạng hóa các hình thức đào tạo chuyên nghiệp và dạy nghề, đưa tỷ lệ lao động kỹ thuật đạt 30% vào năm 2010.

Củng cố phát triển mạng lưới y tế, chú trọng công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân; bảo đảm tốt các nhu cầu cơ bản cho người dân, chú trọng cải thiện điều kiện sống cho vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới và hải đảo. Xây dựng xã hội công bằng văn minh; xây dựng văn hóa cộng đồng lành mạnh, xóa bỏ các tệ nạn xã hội.

Phấn đấu phát triển kinh tế - xã hội gắn liền với cải thiện môi trường sinh thái và phát triển bền vững.

3. Về an ninh quốc phòng.

Bảo đảm kỷ cương, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, xây dựng kinh tế phải gắn chặt với củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh chính trị, giữ gìn chủ quyền quốc gia.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN CHỦ YẾU:

1. Về phát triển ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy hải sản:

Về nông nghiệp: Phấn đấu nhịp độ tăng trưởng ngành nông nghiệp đạt 5%/năm giai đoạn từ nay tới năm 2010.

Phấn đấu tăng sản lượng thóc có chất lượng cao, đặc sản, đến năm 2010 xuất khẩu đạt 3,5 - 4 triệu tấn gạo/ năm.

Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, đưa tỷ trọng chăn nuôi từ 20% hiện nay lên 37% vào năm 2010 phát triển chăn nuôi thành ngành sản xuất chính; xây dựng nền nông nghiệp sinh thái phát triển bền vững; tăng tỷ suất hàng hóa nông sản, mở rộng thị trường góp phần phục vụ xuất khẩu. Phát triển nông nghiệp nhằm tạo nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Chuyển đổi cây trồng, coi trọng thâm canh phát triển sản phẩm cây lúa, nghiên cứu chuyển đổi mùa vụ một số loại cây trồng để phòng tránh thiên tai, lũ lụt. Chú trọng sử dụng quỹ đất

và cơ cấu quỹ đất thay đổi theo hướng đa dạng hóa sản phẩm, các vùng cây chuyên canh có năng suất cao, bảo đảm chất lượng; đến năm 2010 đất nông nghiệp đạt từ 3,5 - 4 triệu ha. Tập trung khai thác vùng Đồng Tháp Mười, Tây Sông Hậu và bán đảo Cà Mau.

Về lâm nghiệp: thực hiện công tác trồng cây, gây rừng nhằm khôi phục và bảo vệ môi trường sinh thái, hình thành tuyến phòng thủ dọc biển Đông. Trồng mới và bảo vệ rừng phòng hộ vùng Bảy Núi, giữ vững diện tích cây tràm, ổn định diện tích dừa nước, bảo vệ rừng ngập mặn. Đẩy mạnh trồng cây phân tán, kết hợp chặt giữa phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và nuôi trồng thủy sản. Từng bước thực hiện giao đất, giao và khoán rừng để kết hợp làm vườn và sản xuất lâm, ngư kết hợp giữa nuôi tôm và trồng rừng.

Về thủy, hải sản: phát huy thế mạnh của vùng có bờ biển dài, ngư trường rộng và nhân dân có kinh nghiệm nuôi trồng và đánh bắt thủy, hải sản. Tăng cường năng lực cho ngành kinh tế quan trọng, đóng góp 50% giá trị xuất khẩu thủy, hải sản của cả nước. Đầu tư trang bị hiện đại cho các phương tiện để từng bước đẩy mạnh việc đánh bắt xa bờ.

Phát triển nuôi trồng thủy sản có giá trị cao: tôm, cua và các loại đặc sản có giá trị xuất khẩu cao. Khuyến khích các mô hình sản xuất phù hợp với điều kiện của vùng này để góp phần chuyển đổi cơ cấu kinh tế đáp ứng yêu cầu sản xuất và đời sống nhân dân.

2. Về phát triển ngành công nghiệp:

Phấn đấu nhịp độ tăng trưởng công nghiệp bình quân thời kỳ từ nay đến năm 2000 đạt 13%/năm; và thời kỳ 2001 - 2010 đạt 14%/năm.

Chú trọng phát triển công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm để đến năm 2010 tỷ trọng ngành công nghiệp đạt trên 60%. Phát triển các ngành may mặc, dệt, da giầy, cơ khí điện tử, vật liệu xây dựng, hóa chất, chế biến thức ăn gia súc... tạo ra những sản phẩm có hàm lượng kỹ thuật công nghệ cao đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

Từng bước đổi mới nhằm tạo ra sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng.

Đẩy mạnh thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài. Chuẩn bị điều kiện để đầu tư cho các khu công nghiệp khi có điều kiện: Trà Nóc, Nam Hưng Phú, Vị Thanh, Bến Lức, Đức Hòa, Cầu Ván, Gò Đen, Lương Hòa, Cần Đước, Năm Căn, Cà Mau, Bạc Liêu, Đại Ngãi, Đài An, thị xã Trà Vinh, Bắc Mỹ Thuận, Bình Minh, Bắc Cổ Chiên, Diều Gà, Tân Quy Tây, Trần Quốc Toản, Mỹ Trà, Sông Hậu, Kiền Lương, Ba Hòn, Hòn Chông, Rạch Giá, Tắc Cầu, Bến Nhất,